

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2024

"V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HUNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Đình Hiền;

2. Ông Lương Văn Kế.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Luật - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024, về việc: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1984 “*Có mặt*”

HKTT: Thôn LD, xã ĐT (nay là xã HT), huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn TnA, sinh năm 1980 “*Có mặt*”

Địa chỉ: Thôn LD, xã ĐT (nay là xã HT), huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Ngọc LnA, sinh ngày 19/12/2016 “*Có mặt*”

Địa chỉ: Thôn LD, xã ĐT (nay là xã HT), huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu LnA: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn TnA
- Bố, mẹ đẻ cháu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Ngọc LnA: Bà Đỗ Thị Khuyên - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên.

Bà Khuyên có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Bà Vũ Thị Liễu, sinh năm 1963 “*Vắng mặt*”

Địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Bùi Thị Kim Ng, sinh năm 1944 “*Có mặt*”

Địa chỉ: Thôn LD, xã ĐT (nay là xã HT), huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

- Cháu Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 2005 “*Có mặt*”

Địa chỉ: Thôn LD, xã ĐT (nay là xã HT), huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Tôi với anh Nguyễn TnA kết hôn do chúng tôi tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn khoảng 03 tháng. Chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 07/5/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh TnA tính nết cục súc, thường hay uống rượu say gây chuyện chửi bới, đánh đập tôi và xúc phạm gia đình bố mẹ đẻ tôi. Ngoài ra vợ chồng tôi còn mâu thuẫn trong việc quản lý kinh tế gia đình. Anh TnA làm cán bộ xã ĐT, tiền lương hàng tháng anh dùng chi tiêu cá nhân hết không đưa cho tôi để chi tiêu sinh hoạt gia đình và nuôi con. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm nhưng vì các con còn nhỏ nên tôi cố gắng chịu đựng để vợ chồng chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình. Đến tháng 8 năm 2024 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, ngày càng căng thẳng hơn nên tôi đã về gia đình bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Thời gian tôi ở nhà bố mẹ đẻ, anh TnA không đến tìm tôi lần nào mà còn điện thoại chửi mẹ tôi và đe dọa tôi. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng giữa tôi và anh TnA không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Nguyễn TnA.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 05/8/2005 và Nguyễn Ngọc LnA, sinh ngày 19/12/2016. Cháu Nguyễn Thị Mai H đã thành niên nên tôi không yêu cầu giải quyết. Cháu Nguyễn Ngọc LnA hiện đang ở cùng anh TnA, ly hôn nguyện vọng của tôi được trực tiếp nuôi cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi, tôi không yêu cầu anh TnA phải cấp dưỡng nuôi con chung với tôi.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng cấy: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/10/2024 và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn TnA trình bày:

Tôi kết hôn với cô Phạm Thị L do chúng tôi tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 07/5/2004. Từ khi kết hôn cho đến nay vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân một phần từ những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, một phần do cô L hay nghi ngờ ghen tuông vô cớ, từ đó dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Trong những lần vợ chồng cãi nhau cô L nói thách thức tôi “Mày viết đơn ly hôn tao ký”, bản thân tôi không hành hạ, đánh đập gì cô L. Đến tháng 8 năm 2024 cô L nghỉ làm việc ở công ty may, tôi có hỏi cô L lý do nghỉ việc nhưng cô L không nói cho tôi biết mà còn quát lại tôi, nói xúc phạm tôi là “mày làm thằng cán bộ mà như thế à, bị ma nhập”. Cuối tháng 8 năm 2024 cô L tự ý bỏ đi không ở cùng gia đình tôi nữa. Chị dâu tôi có ngăn cản giữ cô L lại nhưng cô L trả lời không thể ở được nữa và cố tình đi. Từ khi bỏ đi cô L không hề liên lạc gì với tôi và gia đình, tôi có bảo các con tôi gọi mẹ về nhưng các cháu không gọi. Nay tôi xác định chúng tôi không còn tình cảm với nhau nữa nên tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng tôi có hai con chung như cô L trình bày, hiện cả hai cháu đang ở cùng với tôi. Cháu Nguyễn Thị Mai H đã thành niên, đang học đại học nên tôi không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Ngọc LnA tôi không đồng ý để cô L nuôi cháu vì xét về phẩm chất và đạo đức thì cô L không đủ tư cách để nuôi con. Tôi không yêu cầu cô L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung, có nợ chung nhưng cô L không đề nghị giải quyết tôi cũng nhất trí, không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Ngọc LnA trình bày:

Cháu là con bố Nguyễn TnA và mẹ Phạm Thị L. Cháu hiện đang học lớp 3 Trường tiểu học thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bố mẹ cháu như thế nào thì cháu không biết vì cháu còn nhỏ nhưng nhiều lần cháu chứng kiến bố đi uống rượu say về nhà chửi mẹ cháu và đánh mẹ cháu. Do bị bố đánh nên mẹ cháu đã về nhà ông bà ngoại ở từ cuối tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ vì mẹ cháu chăm sóc cháu tốt hơn.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Về quan hệ hôn nhân, chị L giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh TnA có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung, trường hợp chị L kiên quyết xin ly hôn, anh TnA đồng ý ly hôn. Về con chung, cả chị L và anh TnA đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc LnA.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Phạm Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Ngọc LnA giữ nguyên quan điểm như đã nêu trên.

* Bị đơn anh Nguyễn TnA giữ nguyên quan điểm như đã nêu trên, ngoài ra anh TnA còn trình bày: Vợ chồng anh TnA xảy ra mâu thuẫn ngay sau khi kết hôn một thời gian ngắn, nguyên nhân do một phần từ những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, một phần do cô L hay nghi ngờ ghen tuông vợ có, từ đó dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi nhau nhưng anh TnA không hành hạ, đánh đập gì chị L. Nay chị L xin ly hôn, anh TnA đồng ý ly hôn.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu LnA:

Xét về hoàn cảnh, điều kiện thực tế, để đảm bảo cho sự trưởng thành, phát triển toàn diện cho cháu LnA, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 6 Nghị quyết số 01/2004/NQ-HĐTP, tuyên giao cháu Nguyễn Ngọc LnA, sinh ngày 19/12/2016 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu LnA đủ 18 tuổi. Anh TnA có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, chị L không được cản trở.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn TnA.

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 05/8/2005 và Nguyễn Ngọc LnA, sinh ngày 19/12/2016.

Đối với cháu Nguyễn Thị Mai H đã trưởng thành, chị L và anh TnA không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Giao chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc LnA, sinh ngày 19/12/2016 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh TnA phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị L và anh TnA không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Phạm Thị L yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn TnA, địa chỉ: Thôn LD, xã ĐT (nay là xã HT), huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn TnA kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 07/5/2004 theo giấy chứng nhận kết hôn số 10/2004. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L: Theo chị L thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh TnA tính nết cục súc, thường hay uống rượu say gây chuyện chửi bới, đánh đập chị L và xúc phạm bố mẹ đẻ chị L. Ngoài ra còn mâu thuẫn trong việc quản lý kinh tế gia đình, anh TnA không đưa tiền lương cho chị L để chi tiêu sinh hoạt gia đình và nuôi con. Theo anh TnA thì vợ chồng mâu thuẫn ngay sau khi kết hôn, nguyên nhân một phần từ những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, một phần do chị L hay nghi ngờ ghen tuông vợ chồng, từ đó dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, bản thân anh TnA không hành hạ, đánh đập chị L.

Mâu thuẫn của vợ chồng chị L, anh TnA được bà Bùi Thị Kim Ng - mẹ đẻ anh TnA cung cấp: Vợ chồng anh TnA chung sống hạnh phúc thời gian dài không có mâu thuẫn gì. Khoảng 02 năm trở lại đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày. Khoảng tháng 8 năm 2024 chị L nghỉ việc không làm ở công ty may nữa, anh TnA hỏi lý do nghỉ việc nhưng chị L không nói mà quay ra cáu gắt chửi bới anh TnA, hai vợ chồng lời qua tiếng lại cãi nhau, không ai chịu ai, bà Ng có can ngăn hai vợ chồng nhưng không được. Sau khi cãi nhau với chồng chị L thuê xe taxi chở quần áo tư trang của chị L về nhà mẹ đẻ chị L ở và sống ly thân với anh TnA cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. (BL số 48, 49).

Bà Vũ Thị L1 - mẹ đẻ chị L cung cấp: Vợ chồng chị L chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về lối sống, anh TnA thường hay uống rượu say gây chuyện chửi bới, đánh đập chị L và chửi bới xúc phạm gia đình bà L1. Khoảng năm 2019 do bị đánh nhiều lần

chị L đã có ý định ly hôn, bà L1 đã khuyên bảo, động viên nên chị L đã nghe lời bà L1 và về chung sống với anh TnA vì các con còn nhỏ. Tuy nhiên từ đó cho đến nay vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, anh TnA vẫn thường xuyên chửi bới, đánh đập chị L. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Đến tháng 8 năm 2024 do không chịu đựng được nữa chị L đã về gia đình bà L1 ở cho đến nay. Trong thời gian chị L ở gia đình bà L1, anh TnA nhiều lần gọi điện thoại cho bà L1 chửi bà L1 không biết dạy con và đe dọa chị L. (BL số 44).

Cháu Nguyễn Mai H cung cấp: Cháu đã lớn nên cháu được biết bố mẹ cháu mâu thuẫn với nhau từ nhiều năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong việc quản lý kinh tế gia đình, bố đi làm không đưa tiền để mẹ chi tiêu sinh hoạt gia đình. Bố cháu thường uống rượu say gây chuyện chửi bới, đánh đập mẹ cháu và đuổi mẹ cháu đi. Đến tháng 8 năm 2024 bố mẹ cháu xảy ra đánh nhau nên mẹ cháu đã về ở cùng ông bà ngoại cho đến nay nhưng khi nhà ông bà nội có công việc gì thì mẹ cháu vẫn về lo xong công việc mẹ cháu lại đi (BL số 38, 41).

Từ những căn cứ trên xác định vợ chồng chị L, anh TnA xảy ra mâu từ sau khi kết hôn một thời gian ngắn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và việc quản lý kinh tế gia đình, anh TnA hay uống rượu, khi về vợ chồng lại xảy ra cãi nhau. Năm 2019 chị L có ý định ly hôn với anh TnA nhưng do các con còn nhỏ và được mẹ đẻ khuyên bảo nên chị L đã bỏ ý định. Tuy nhiên anh TnA vẫn thường xuyên chửi bới, đánh đập chị L nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Tháng 8 năm 2024 vợ chồng xảy ra đánh cãi nhau, sau đó chị L đã về nhà mẹ đẻ chị L ở, sống ly thân với anh TnA từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, anh TnA không đến tìm chị L về. Chị L xin ly hôn, anh TnA có nguyện vọng vợ chồng chung sống đoàn tụ nhưng anh TnA không đưa ra được phương án nào để vợ chồng về chung sống với nhau. Quá trình giải quyết anh TnA có nhiều quan điểm khác nhau, khi thì xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn, khi thì mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị L kiên quyết xin ly hôn thì anh TnA cũng đồng ý. Điều này cho thấy anh TnA không thực sự còn tình cảm với chị L và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Như vậy xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh TnA đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị L xin ly hôn anh TnA là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa anh TnA đồng ý ly hôn, việc anh chỉ thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh TnA có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 05/8/2005 và Nguyễn Ngọc LnA, sinh ngày 19/12/2016. Đối với cháu Nguyễn Thị Mai H, chị L và anh TnA không đề nghị giải quyết do cháu đã thành niên, bản thân cháu H cũng không yêu cầu bố mẹ phải cấp dưỡng nuôi cháu nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Ngọc LnA, cả chị L và anh TnA đều có nguyện vọng được nuôi cháu. Hiện tại cả hai anh chị đều có công việc và thu nhập ổn định nên cả hai anh chị đều đủ điều kiện về kinh tế cho việc nuôi dưỡng cháu. Cháu LnA còn nhỏ và là con gái nên giao cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn anh TnA, phù hợp với sự phát triển tâm, sinh lý của cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu LnA. Do vậy sẽ giao cháu LnA cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh TnA phải đóng góp tiền nuôi cháu LnA. Xét đây là sự tự nguyện của chị L nên được ghi nhận. Do vậy anh TnA không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh Nguyễn TnA không trực tiếp nuôi con anh được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị L và anh TnA đều không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn TnA.

[2] Về con chung: Chị L và anh TnA có hai con chung là Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 05/8/2005 và Nguyễn Ngọc LnA, sinh ngày 19/12/2016.

Đối với cháu Nguyễn Thị Mai H đã trưởng thành, chị L và anh TnA không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Giao chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc LnA, sinh ngày 19/12/2016 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh TnA phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn TnA được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Phạm Thị L và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24 số: 0001038 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Chị L đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Tiên Lữ;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ;
- UBND thị trấn Vương
(Đăng ký số 10 ngày 07/5/2004).
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý